

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 01-02-2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám.

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Đỗ Thị C, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Ngô Thị Đ, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đỗ Thị C trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn Đỗ Thị C trình bày bị đơn đã mượn tiền, vàng và đã ký hai biên nhận mượn tiền, vàng của nguyên đơn cụ thể như sau:

Ngày 15/8/2018, bà C cho bà Đ mượn số tiền 36.000.000 đồng làm giấy mượn và ký tên, bà Đ hứa trả cho nguyên đơn mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền trên. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 12.800.000 đồng, còn nợ lại 23.200.000 đồng.

Ngày 15/8/2019, nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn mượn số tiền 85.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, sau đó nguyên đơn và bị đơn đã cân trừ phần tiền nợ 85.000.000 đồng vào tiền bị đơn bán đất cho nguyên đơn, phần 05 chỉ vàng 24K bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Đối với số vàng 05 chỉ 24K thì do con bà Đ mượn nhưng do bà Đ đồng ý đứng ra lãnh nợ nên tôi mới cho mượn. Nên số vàng này xem như do bà Đ mượn tôi, bà Đ phải có trách nhiệm trả.

Về nội dung giấy mượn tiền ngày 15/8/2018 và giấy mượn tiền ngày 15/8/2019 thì nội dung là tôi viết, viết mỗi giấy mượn tiền chỉ có 01 bản, do tôi giữ. Tôi xác định chữ ký và chữ viết tên ở chỗ người mượn là do bà Đ tự ký và viết tên, không có sự cưỡng ép, bắt buộc. Tôi xác định bà Đ có đọc lại giấy mượn tiền trước khi ký.

Sau nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền và vàng còn nợ nhưng bị đơn không chịu trả, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Ngô Thị Đ có nghĩa vụ trả lại cho tôi số tiền còn nợ là 23.200.000 đồng và số vàng còn nợ là 05 chỉ vàng 24K (quy đổi thành tiền là 5.100.000 đồng/chỉ với số tiền là 25.500.000 đồng), tổng cộng số tiền phải trả là 48.700.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng), yêu cầu trả một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Ngô Thị Đ trình bày:

Bị đơn bà Ngô Thị Đ chỉ thừa nhận có vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 15/8/2018, không có làm giấy tờ, hai bên tự thỏa thuận lãi suất miệng là 6%/tháng. Đến ngày 15/8/2019, tôi có vay của bà C số tiền là 45.000.000 đồng và không có làm giấy tờ gì, hai bên tự thỏa thuận lãi suất miệng là 6%/tháng. Tổng cộng số tiền tôi vay mượn của bà C là 65.000.000 đồng. Sau khi vay mượn số tiền trên thì tôi không có tiền trả cho bà C nên tôi có bán đất cho bà C (5mx40m) với số tiền 223.000.000 đồng. Khi giao tiền thì bà C tự ý trừ lại số tiền nợ là 85.000.000 đồng, sau đó thì giao số tiền bán đất còn lại cho gia đình tôi là 138.000.000 đồng. Tôi xác định lời khai trước đây tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 15/11/2022 về việc bà C trừ lại số tiền nợ là 65.000.000 đồng và giao số tiền bán đất còn lại là 158.000.000 là không đúng, do nhầm lẫn, lời trình bày hôm nay là chính xác. Khi giao nhận tiền bán đất thì không có làm biên nhận gì và gia đình tôi đã làm bằng khoán đất cho bà C.

Đối với số vàng 05 chỉ 24K là do con tôi mượn nhưng tôi đồng ý đứng ra trả nợ cho con tôi. Vào giữa năm 2020 thì con tôi đổ nợ, bà C có xuống đòi thì tôi đồng ý trả nợ thay cho con tôi nhưng không có tiền trả ngay mà xin trả dần, bà C không đồng ý mà đưa ra yêu cầu là bà C sẽ hốt chân hụi của chồng bà C, tôi phải có trách nhiệm đóng mỗi tháng cho chân hụi này (Chân hụi tổng cộng 36.000.000 đồng), tôi đã đóng được 03 tháng với số tiền là 6.000.000 đồng, sau đó thì xin trả dần mà không đóng hụi nữa với số tiền 6.800.000 đồng, tổng cộng trả được là 12.800.000 đồng. Khi trả tiền thì không có làm giấy tờ, biên nhận gì, tại buổi hòa giải ở xã thì bà C cũng xác nhận là tôi có trả số tiền nêu trên tại biên bản.

Đối với giấy mượn tiền ngày 15/8/2018 và giấy mượn tiền ngày 15/8/2019 thì tôi xác định chữ ký tên và viết họ tên là do tôi ký, còn nội dung hai giấy mượn tiền là do bà C ghi, khi ký thì tôi cho rằng hai giấy mượn tiền này là thể hiện nội dung

vay số tiền 20.000.000 đồng và 45.000.000 đồng, tôi ký và viết tên mà không có đọc lại nội dung, do bà C đem giấy tờ xuống vào lúc chiều tối và kêu tôi ký vào thì tôi ký. Việc ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền thì tôi không bị cưỡng ép, ép buộc hay lừa dối, đưa thì tôi ký vì nghĩ là biên nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng và 45.000.000 đồng.

Tôi xác định chỉ còn nợ bà C số tiền 3.200.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ này cho bà C, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị C trình bày tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đã trình bày, do bà Đ chưa trả tôi hết số tiền, vàng đã mượn nên bà Đ phải trả cho tôi, số tiền 12.800.000 đồng mà bà Đ trả cho nguyên đơn là do bị đơn trả nhiều lần cộng lại, đối với số tiền 85.000.000 đồng thì cần trừ tiền mua bán đất giữa nguyên đơn và bị đơn, sau khi thực hiện mua bán, trả tiền xong, bị đơn đã giao đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đứng tên, nguyên đơn không đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn về số tiền còn nợ và việc trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Đ chỉ thừa nhận chỉ mượn của nguyên đơn 65.000.000 đồng, còn 05 chỉ vàng 24K là do con của bị đơn mượn, bị đơn biết và có hứa đứng ra trả cho nguyên đơn. Bị đơn cũng thừa nhận đã trả cho nguyên đơn số tiền 12.800.000 đồng và cần trừ tiền mua bán đất 85.000.000 đồng. Nhưng bị đơn không thừa nhận số tiền mượn của nguyên đơn cũng như toàn bộ nội dung yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả như nguyên đơn trình bày. Bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 3.200.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 01 triệu đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Chữ ký và chữ viết họ và tên trong hai giấy biên nhận là chữ ký và chữ viết của bị đơn, bị đơn cho rằng nguyên đơn viết rồi đưa bị đơn ký, bị đơn không có xem nội dung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày, tranh luận và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ có căn cứ xác định bị đơn Ngô Thị Đ còn nợ nguyên đơn Đỗ Thị C số tiền chưa trả là 23.200.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền mượn chưa trả theo nội dung khởi của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của bà Đỗ Thị C, về việc yêu cầu bà Ngô Thị Đ trả số tiền 23.200.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K

với giá vàng tương đương 5.100.000 đồng/01 chỉ vàng (thành tiền 25.500.000 đồng) tổng số tiền phải trả là 48.700.000 đồng theo hai giấy mượn tiền, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị Đ là bị đơn trong vụ án có địa chỉ trú tại: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã C, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị C và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Trong thời gian năm 2018 và 2019 thể hiện bị đơn ký 02 giấy mượn tiền của nguyên đơn, lần thứ nhất theo giấy mượn tiền (BL08) thể hiện: Vào ngày 15/8/2018 bà Ngô Thị Đ có ký nhận giấy mượn tiền của bà Đỗ Thị C số tiền 36.000.000 đồng. Nguyên đơn xác nhận bị đơn bà Đ đã trả cho bà C số tiền 12.800.000 đồng (không có biên nhận trả nợ) còn nợ lại số tiền 23.200.000 đồng.

Đến ngày 15/8/2019 bà Đ tiếp tục mượn của bà C số tiền 85.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K theo giấy mượn tiền ngày 15/8/2019 (BL09) theo lời trình bày của bà C thì bà Đ đã trả cho bà 85.000.000 đồng từ việc cân trừ tiền bị đơn bán đất cho nguyên đơn (không có biên nhận trả nợ) còn nợ lại 05 chỉ vàng 24K chưa trả.

[3.2] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều trình bày phù hợp về số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn gồm 12.800.000 đồng và 85.000.000 đồng tiền cân trừ trong việc mua bán đất.

[3.3] Đối với chữ ký, chữ viết họ và tên của bị đơn trong hai biên nhận bị thừa nhận là của bị đơn ký, viết chữ họ và tên nhưng cho rằng khi ký viết họ tên không có đọc nội dung giấy mượn tiền.

[3.4] Đối với số vàng 05 chỉ 24K bị đơn trình bày phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn là do con bị đơn nợ nên có mượn của nguyên đơn, bị đơn biết, nhận trả. Tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận, hiện con bị đơn đã bỏ địa phương đi, không liên lạc được, bị đơn cũng không yêu cầu đưa vào tham gia tố tụng.

[3.5] Khi ký 02 giấy mượn tiền, bị đơn ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền không bị cưỡng ép, ép buộc hay lừa dối.

[4] Bị đơn cho rằng chỉ vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 15/8/2018, không có làm giấy tờ, hai bên tự thỏa thuận lãi suất miệng là 6%/tháng. Đến ngày 15/8/2019, tôi có vay của bà C số tiền là 45.000.000 đồng và không có làm giấy tờ gì, hai bên tự thỏa thuận lãi suất miệng là 6%/tháng. Tổng cộng số tiền tôi vay mượn của bà C là 65.000.000 đồng. Xét thấy lời trình bày của bị đơn không có căn cứ và không phù hợp với biên nhận bị đơn đã ký, cũng như số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn như bị đơn và nguyên đơn trình bày trước phiên tòa.

Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh về nội dung bị đơn trình bày và việc đã trả một phần tiền nợ cho nguyên đơn để xác định hiện tại bị đơn chỉ

còn nợ nguyên đơn số tiền số tiền 3.200.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[5] Nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ phải trả cho nguyên số tiền, số vàng chưa trả là 23.200.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (nguyên đơn tính giá vàng 24Kr là 5.100.000 đồng/01 chỉ, tương đương số tiền 25.500.000 đồng) tổng cộng số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 48.700.000 đồng.

[6] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, có cơ sở xác định bà Đ đã mượn tiền, vàng của bà C hai lần (lần thứ nhất 36.000.000 đồng, lần hai 85.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24Kr, đã trả được số tiền 97.800.000 đồng, còn nợ lại số tiền 23.200.000 đồng và 05 chỉ vàng 24Kr như yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, do bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, cho thấy việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà Đ không trả tiền nợ cho bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, căn cứ vào hai giấy mượn tiền và lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy bà Đỗ Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Đ có trách nhiệm trả số tiền là 23.200.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 25.500.000 đồng) tổng cộng số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 48.700.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận.

- Ý kiến lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Bị đơn bà Ngô Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định pháp luật. Nhưng xét thấy bị đơn sinh năm 1959 (64 tuổi) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[9] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C, buộc bà Ngô Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị C số tiền 48.700.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng) gồm: 23.200.000 đồng tiền mượn và 05 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 25.500.000 đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị C có đơn yêu cầu gửi cơ quan thi hành án, nếu bị đơn bà Ngô Thị Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 580.000 đồng theo biên lai thu số 0002656 ngày 11/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C, TG;
- CCTHADS thị xã C, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp